TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Không

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Dương Trường G, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2019, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là Trần Thị Ngọc H trình bày như sau:

+ Về hôn nhân: Chị với anh G sau thời gian quen biết, tự tìm hiểu thì xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Khóm C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/6/2017. Hôn nhân do mai mối, tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Lý do là chị và anh G có những bất đồng ý kiến, không hợp nhau, anh G thường hay nhậu nhẹt và kiếm chuyện chửi mắng chị. Chị và anh G sống ly thân từ đầu tháng 3/2019 đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Nay chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh G.

+ Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung tên Dương Trần Trâm A, sinh ngày 24/02/2018. Từ khi ly thân đến nay do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Dương Trường G cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A. Chị không thống nhất giao cháu Trâm A cho anh G nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giao cháu Trâm A cho anh G được quyền nuôi dưỡng thì chị không thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 23/4/2019, các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà hôm nay, bị đơn là anh Dương Trường G trình bày như sau:

+ Về hôn nhân: Anh và chị H xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 5/2017, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở mai mối. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Khóm C, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/6/2017. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi cưới thì chị H không thống nhất về sinh sống tại bên nhà anh mà sống bên nhà cha mẹ chị H. Sau khi sinh con thì chị H mang con sống cùng với cha mẹ chị H trên ghe mà không được sự đồng ý của anh. Anh nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng. Anh với chị H không có sống ly thân, chỉ do anh đi làm ăn xa nên không thường xuyên sống cùng với chị; nay anh còn thương vợ thương con nên muốn được hàn gắn, đoàn tụ với chị H. Anh không thống nhất ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Dương Trần Trâm A, sinh ngày 24/02/2018. Anh không thống nhất giao cháu Trâm A cho chị H nuôi dưỡng và không thống nhất cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trâm A đến khi cháu Trâm A đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn". Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[3] Về hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị H với anh G là do mai mối, tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc lẫn nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống có hạnh phúc. Từ đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Lý do là anh chị bất đồng ý kiến, không hợp nhau, dẫn đến ly thân đến nay và chị H yêu cầu được ly hôn với anh G.

[4] Việc kết hôn giữa nam và nữ là vô cùng hệ trọng nó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân của mình mà còn ảnh hưởng đến con cái, gia đình và xã hội. Vì vậy trước khi quyết định đi đến hôn nhân phải có sự lựa chọn, tìm hiểu nhau trước một thời gian thích hợp nhằm hiểu được nhau, biết thông cảm với nhau... Để rồi cả hai đi đến một cái chung thống nhất, đồng thời phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Vì hôn nhân là sự liên kết giữa người nam với người nữ trên các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, được thực hiện theo thủ tục pháp luật quy định, nhằm để chung sống với nhau suốt đời và xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ và hòa thuận.

[5] Xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để Tòa án cho ly hôn. Vì giữa hai bên không tìm được một cái chung thống nhất, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên cho chị H được ly hôn với anh G là phù hợp.

[6] Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A đến khi cháu Trâm A đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Hân hiện mới được hơn 14 tháng tuổi, cháu còn rất nhỏ và là cháu gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ khi sinh con đến nay, chị H đã làm tròn nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hân. Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Trâm A cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; không chấp nhận việc anh G yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trâm A là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Do đó anh G không cấp dưỡng cho cháu Trâm A.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án xem xét giải quyết.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật; anh G không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Dương Trường G.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trần Trâm A, sinh ngày 24/02/2018 cho chị Trần Thị Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cho đến ngày cháu Trâm A đủ 18 tuổi.

Anh Dương Trường G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trâm A do chị H không có yêu cầu.

Anh Dương Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Dương Trần Trâm A mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009417 ngày 20/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND H. Thanh Bình;
- Tòa án ND. tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS. huyện Th;
- UBND. thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ